

平成 29 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	32.0 t	7.99	9.5 cm	19.2 °C	
放流水量	32.2 t	7.91	50.0 cm	19.8 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	277 KWH	3,331 KWH	5.04 t	
日平均使用量	8.9 KWH	107.5 KWH	0.16 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	5台: 1.84t	31台: 32.86t	47台: 25.55t	9台: 23.83t	1台: 1.94t	
前月累計	30台: 13.32t	203台: 225.29t	245台: 94.58t	53台: 147.03t	11台: 20.23t	
年度計	35台: 15.16t	234台: 258.15t	292台: 120.13t	62台: 170.86t	12台: 22.17t	

小計	
月計	93台: 86.02 t
前月累計	542台: 500.45 t
年度計	635台: 586.47 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.40 t	93台: 86.42 t
前月累計	1.80 t	542台: 502.25 t
年度計	2.20 t	635台: 588.67 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	14台	215 m ³
前月累計	106台	1,251 m ³
年度計	120台	1,466 m ³

項目	日
搬入日数	20
日平均搬入数量	4.30 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	86.09 t	90台
5	119.38 t	139台
6	110.59 t	128台
7	78.05 t	79台
8	108.14 t	106台
9	86.42 t	93台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	588.67 t	635台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	3.00 m ³
脱水ケーキ量	0.40 t
脱水機運転時間	4:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	19 °C	21 °C	12 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4	晴	20 °C	24 °C	10 °C
5	晴	22 °C	25 °C	11 °C
6	晴	22 °C	25 °C	14 °C
7	晴	22 °C	26 °C	18 °C
8	晴	21 °C	25 °C	15 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	晴/曇	18 °C	23 °C	10 °C
12	雨	14 °C	15 °C	14 °C
13	曇/雨	17 °C	22 °C	13 °C
14	曇	18 °C	21 °C	12 °C
15	晴/雨	17 °C	20 °C	11 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19	曇	22 °C	23 °C	10 °C
20	曇/晴	20 °C	19 °C	14 °C
21	晴	17 °C	19 °C	13 °C
22	晴	17 °C	22 °C	13 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	晴	19 °C	22 °C	12 °C
26	晴	15 °C	21 °C	13 °C
27	晴/曇	19 °C	22 °C	11 °C
28	曇	13 °C	14 °C	10 °C
29	雨/晴	8 °C	16 °C	4 °C
30		°C	°C	°C